

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 22/2022/DS-PT

Ngày: 24/3/2022.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.

Bà Lê Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Chùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Bà Lê Thị G**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn Thành Đ, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

** Bị đơn không kháng cáo:* **Bà Ngô Thị T**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn Thành Đ, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

** Những người tham gia tố tụng khác: (Người làm chứng).*

1. Trịnh Thị Thu, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn Minh Đức, xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

2. Chị Trịnh Thị Hiền, sinh năm 2000; Trú tại thôn Thành Đ, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Lê Thị G trình bày:*

Năm 2019 bà Ngô Thị T có vay của bà số tiền 27.000 000đ (Hai bảy triệu đồng), không tính lãi suất, bà đòi nhiều lần nhưng bà T không trả nợ nên bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà số tiền 27.000.000đ (Hai bảy triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Bà trình bày các lần cho bà T vay tiền cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 30/5/2019 bà cho bà T vay số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), bà T hẹn trả nợ vào ngày 15/7/2019 (vay không tính lãi suất).

+ Lần 2: Ngày 07/8/2019 bà cho bà T vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bà T hẹn trả nợ vào cuối tháng 8/2019 (vay không tính lãi suất).

+ Lần 3: Ngày 01/9/2019 bà cho bà T vay 4.400.000đ (Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng), vay không tính lãi suất.

+ Lần 4: Ngày 02/9/2019 bà cho bà T vay 4.400.000đ (Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng), vay không tính lãi suất.

+ Lần 5: Ngày 03/9/2019 bà cho bà T vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng), vay không tính lãi suất.

+ Lần 6: Ngày 05/9/2019 bà cho bà T vay 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), vay không tính lãi suất.

+ Lần 7: Ngày 01/12/2019 bà cho bà T vay 4.000.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), vay không tính lãi suất.

+ Lần 8: Ngày 01/12/2019 bà cho bà T vay 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), vay không tính lãi suất.

Bà khẳng định sự việc bà khai như trên là đúng, bà T chưa trả cho bà đồng nào, nên bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả cho bà số tiền bà T đang nợ bà là 27.000.000đ (Hai bảy triệu đồng).

** Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ngô Thị T vắng mặt. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà T đã trình bày:*

Do nhu cầu vay vốn để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình, con gái bà là chị Trịnh Thị Tuấn và cháu gái là Trịnh Thị Thu có nhờ bà vay của bà Lê Thị G tổng số tiền là 19.000 000đ (Mười chín triệu đồng) không tính lãi suất, các lần vay cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 17/5/2019, bà vay của bà Lê Thị G 8.000.000đ (Tám triệu đồng), vay hộ cho con gái là Trịnh Thị Tuấn, ngày 11/9/2019 bà đã trả cho bà G 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng), còn nợ lại bà G 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

+ Lần 2: Ngày 21/9/2019, bà vay bà G 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng), cộng nợ cũ 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), tổng nợ của hai lần là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

+ Lần 3: Ngày 02/7/2020, bà vay bà G 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), vay hộ cho cháu gái là Trịnh Thị Thu, cộng với 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) nợ cũ, tổng cộng số tiền nợ là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Ngày 24/7/2019 cháu gái bà là Trịnh Thị Thu đã mang tiền đến nhà trả cho bà G 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lý do trả tăng cho bà G 1.000.000đ (Một triệu đồng), theo bà T là tại thời điểm trả nợ giá vàng cao hơn thời điểm vay và để tránh thiệt thòi cho bà G nên đã trả tăng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho bà G. Khi cháu Trịnh Thị Thu trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho bà Lê Thị G nhưng không lấy giấy biên nhận nên bà T đã yêu cầu bà G phải ký nhận đủ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào sổ ghi của Bà, chứng cứ này bà T đã xuất trình cho Tòa án.

Bà T khẳng định bà đã trả nợ cho bà G đủ số tiền là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), không còn nợ bà G đồng nào đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà G thừa nhận chị Thu có trả cho bà số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và bà có ký nhận vào sổ theo dõi của bà T thể hiện đã nhận số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), nhưng bà nói đây là trả nợ khoản vay của năm 2020 không phải là trả nợ số tiền vay năm 2019. Khai báo như vậy nhưng bà G không xuất trình được chứng cứ cụ thể nào để chứng minh.

** Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại các lời khai và tài liệu trong hồ sơ vụ án, chị Trịnh Thị Thu và chị Trịnh Thị Hiền đều trình bày:*

Chị Thu và chị Hiền đều là cháu nội của bà Ngô Thị T, còn bà G cũng là họ hàng trong gia đình. Ngày 24/7/2020 bà nội là bà Ngô Thị T có nhờ hai chị đến trả nợ cho bà Lê Thị G 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và bà G đã ký nhận tiền. Việc trả thừa cho bà G 1.000.000đ (Một triệu đồng) do giá vàng tăng cao và để tránh thiệt thòi cho bà G hơn nữa giữa bà G và bà T còn là chị em họ hàng với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng: Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G, với lý do bà Lê Thị G không xuất trình được chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ. Xác nhận bà T đã trả cho bà Lê Thị G số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa có ý kiến: Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định theo hướng: Bác kháng cáo của bà Lê Thị G, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị G là người cao tuổi nên đề nghị HĐXX miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn; kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Về tố tụng và quan hệ pháp luật:* Bà Lê Thị G cho bà Ngô Thị T vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) không yêu cầu tính lãi xuất. Bà Ngô Thị T thừa nhận có 3 lần vay tiền của bà Lê Thị G, tổng số nợ còn lại là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Ngày 24/7/2020 cháu gái bà T là Trịnh Thị Thu đã trả nợ cho bà G đầy đủ với tổng số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bà G cho rằng bà T chưa trả nợ cho mình nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. *Xét tính hợp pháp của kháng cáo:*

Ngày 24/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 06/12/2021 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bà Lê Thị G; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định tại Điều 273; Điều 275 và Điều 276 BLTTDS nên đơn kháng cáo là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật được thụ lý, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm

[3]. *Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị G:*

Bà Lê Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị T phải trả cho bà số tiền đã vay là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi xuất. Bà G cho rằng bà đã cho bà T vay tiền nhiều lần (Cụ thể 8 lần), với tổng số tiền là 32.000.000đ (Ba hai triệu đồng). Tuy nhiên bà G không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện cụ thể việc vay nợ này mà vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả nợ cho bà số tiền là 27.000.000đ (Hai bảy triệu đồng).

Bà Ngô Thị T thừa nhận đã vay tiền của bà Lê Thị G cụ thể là 3 lần có ghi chép đầy đủ trong sổ của bà G, tổng số nợ của 3 lần vay và đã trả còn nợ lại là

19.000.000 (Mười chín triệu đồng). Số nợ này ngày 24/7/2020 cháu gái của bà là chị Trịnh Thị Thu đã đem tiền đến nhà trả cho bà G đầy đủ với tổng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Lý do trả nhiều hơn 1.000.000đ (Một triệu đồng) là do giá vàng lúc bấy giờ có sự chênh lệch cao hơn thời điểm bà G cho vay nên chị Thu đã trả thêm 1.000.000đ (Một triệu đồng) để bà G khỏi thiệt, nên tổng số tiền trả nợ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bà G đã ký đã nhận đủ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) này.

HĐXX xét thấy: Theo Biên bản làm việc ngày 29/11/2020 tại Công an xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, bà Lê Thị G khẳng định bà T đang nợ bà số tiền là 16.400.000đ (Mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tại đơn báo cáo ngày 03/02/2021 bà G báo cáo Công an xã Thiệu Thành về việc bà T đang nợ bà số tiền là 23.700.000đ (Hai ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). Đơn khởi kiện ngày 12/4/2021 (Bản đánh máy) bà G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà số tiền đã vay là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng), tại Đơn khởi kiện cùng ngày 12/4/2021 (Bản viết tay) và các bản tự khai thì bà G lại khẳng định số tiền bà T còn nợ là 23.700.000đ (Hai ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) và theo các lần cho vay bà G kê khai cộng lại tổng là 32.000.000đ (Ba hai triệu đồng). Như vậy nhận thấy trong lời khai của bà G về các lần cho vay cũng như số tiền nợ là rất mâu thuẫn, hơn nữa bà G cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh về lời khai của mình. Cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà G xuất trình chứng cứ chứng minh, nhưng bà G không cung cấp được. Tại phiên tòa phúc thẩm bà G cũng không có thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử xem xét nên yêu cầu khởi kiện cũng như nội dung kháng cáo của bà Lê Thị G không có cơ sở chấp nhận.

Bà Ngô Thị T thừa nhận có nợ bà Lê Thị G số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), bà khẳng định đã trả nợ đầy đủ, không còn nợ bà G đồng nào. Bà T xuất trình chứng cứ là giấy biên nhận bà G ký đã nhận đủ số tiền bà T còn nợ. Do vậy việc bà T đã trả đủ cho bà Lê Thị G số tiền nợ 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) là có căn cứ.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị G không có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của cấp sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4] *Về án phí*: Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên Bà G là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 463; Điều 464 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí phúc thẩm dân sự: Miễn án phí cho bà Lê Thị G. Trả lại cho bà G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005752 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND cấp cao HN;
- TAND, VKSND H.Thiệu Hóa;
- Chi cục THADS H.Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Thành